

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2024, về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 163/2023/TLST-DS ngày 07/12/2023 về việc tranh chấp mốc giới quyền sử dụng đất.

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2023, do Tòa án nhân dân huyện TT thực hiện cùng với các đương sự.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự sau:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn 2A, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1965.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1957 (*văn bản ủy quyền số 147/2023, quyền số: 01/2023-SCT/CK,ĐC ngày 08/5/2023*)

Cùng địa chỉ: Thôn 2A, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1969 (vợ ông K); Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1991 (con ông K); Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994 (con ông K); Anh

Nguyễn Đức L, sinh năm 1999 (con ông Khê).

* Người đại diện theo ủy quyền của bà V, anh T, chị N, anh L, là ông: Nguyễn Đức K, sinh năm 1968. (văn bản ủy quyền số 179/2023, quyền số: 01/2023 - SCT/CK, ĐC ngày 12/12/2023).

Cùng địa chỉ: Thôn 2A, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội.

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1970 (vợ ông L); Anh Nguyễn Đức X, sinh năm 1987 (con ông L); Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989 (con ông L); Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1991 (con ông L).

* Người đại diện theo ủy quyền của bà B, anh X, chị N, anh T, là ông: Nguyễn Đức L, sinh năm 1965, (văn bản ủy quyền số 240/2023, quyền số: 01/2023 - SCT/CK, ĐC ngày 12/12/2023).

Cùng địa chỉ: Thôn 2A, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội.

+ Ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1971; Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 (vợ ông L1); Chị Nguyễn Thị Mai A, sinh năm 1993 (con ông L1); Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1995 (con ông L1).

* Người đại diện theo ủy quyền của bà L, chị Mai A, anh V, là ông: Nguyễn Đức L1, sinh năm 1971. (văn bản ủy quyền số 239/2023, quyền số 01/2023 - SCT/CK, ĐC ngày 12/12/2023)

Cùng địa chỉ: Thôn 2A, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội.

+ Ủy ban nhân dân xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Thôn 4, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội.

* Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Ngọc Q - Chủ tịch UBND xã.

* Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Văn V - Công chức địa chính xã. (văn bản ủy quyền số: 260/2023, quyền số: 01/2023 - SCT/CK.ĐC, ngày 18/12/2023)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nguồn gốc thửa đất của ông Nguyễn Đức L và ngõ đi chung của 03 hộ gia đình ông Nguyễn Đức L, Nguyễn Đức K và Nguyễn Đức L1, đang tranh chấp hiện nay là của cụ Nguyễn Đức Đ (bố đẻ ông K ông L và ông L1) được thể hiện là ngõ đi riêng của cụ Đ từ năm 1964.

Năm 1988 cụ Đ đã chia cho 03 người con gồm:

Ông L được chia thửa đất số 85, diện tích 184 m², ông K được chia thửa số 124, diện tích 208 m², ông L1 được chia thửa số 125, diện tích 196m², phần ngõ đi thể hiện là đường giao thông của 03 thửa đất trên.

Theo bản đồ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSDĐ) được cấp năm 2001 thì phần ngõ đi thể hiện là đường giao thông cho thửa 965, thửa 468, thửa 727, thửa 242 và thửa 222 của 03 hộ gia đình nằm tại phía Tây thửa 468.

Theo bản đồ năm 2018 (chưa được nghiệm thu) thì hiện trạng phần ngõ đi chung nằm trên một phần phía Đông thửa đất 468.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/10/2023 của UBND xã CN; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện TT; ý kiến chung của đại diện các ban ngành đoàn thể, thôn dân cư và các hộ liên kề xác định thì:

“Về nguồn gốc các thửa đất ở và ngõ đi của 03 hộ gia đình ông L, ông K, ông L1 là do ông cha để lại. Đối với phần ngõ đi thì, từ năm 1964 đến nay là của cụ Đ, chỉ có 03 gia đình ông L, ông K, ông L1 sử dụng đi lại, hiện trạng ngõ đi đã bị thay đổi so với năm 2001, sau khi được cấp GCNQSDĐ”.

Nay các bên thống nhất đề nghị Tòa án: Công nhận phần ngõ đi trên là của 03 hộ gia đình ông Nguyễn Đức L, Nguyễn Đức K và Nguyễn Đức L1, không phải là đường giao thông thuộc UBND xã quản lý. Chính lý hoặc cấp lại GCNQSDĐ của hộ gia đình ông Nguyễn Đức L theo đúng hiện trạng thực tế đang sử dụng từ trước đến nay cụ thể như sau:

2.1. Phần ngõ đi chung của 03 hộ gia đình ông Nguyễn Đức L, Nguyễn Đức K và Nguyễn Đức L1. Có tổng diện tích là 86,2m², được giới hạn bởi các điểm 2,3,4,5,6,7,8,17,2.

2.2. Hộ ông Nguyễn Đức L, được quyền quản lý sử dụng phần diện tích đất giới hạn bởi các điểm 1,2,17,8,9,10,11,12,13,14,15,16.1.

(kèm theo sơ đồ trích đo tọa độ hiện trạng thửa đất ngày 22/12/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn VV)

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Đức L có quyền và nghĩa vụ đem GCNQSDĐ số T: 009971, vào sổ cấp GCNQSDĐ số: 00231. QSDĐ/864/QĐ-UB-H, ngày 30/10/2001, và GCNQSDĐ số T: 008047, vào sổ cấp GCNQSDĐ số: 01204. QSDĐ/864/QĐ-UB-H, ngày 30/10/2001, mang tên Hộ ông Nguyễn Đức L, để yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, căn cứ vào các quy định của luật đất đai năm 2013, có

trách nhiệm căn cứ vào Quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động, hoặc cấp giấy chứng nhận mới cho người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất phù hợp theo quyết định của Tòa án.

2.3. Yêu cầu các bên tôn trọng ranh giới bất động sản liền kề theo chiều thẳng đứng từ trên không gian xuống dưới lòng đất.

2.4. Về án phí: Ông Nguyễn Đức L, ông Nguyễn Đức K mỗi người chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Ông K được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0017657 ngày 07/12/2023, ông L được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu số 0017696, ngày 02/01/2024, của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, Thành phố Hà Nội. Hoàn trả ông K, ông L mỗi người 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Thiết